

Tên:

Lớp: S6...

Ngày làm bài: Thứ, ngày/.....



Đọc:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 2: SPORT – GRAMMAR 1 & PET READING

CLASSWORK

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	freezer (n)	tủ đông	3	fur (n)	bộ lông (của động vật)
2	missing (adj)	mất tích			

*Note: *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1** dòng vào vở ghi.

B. TIPS

🔍 BƯỚC 1: GẠCH CHÂN TỪ KHÓA (Underline keywords)

Mục tiêu: Nhìn rõ câu đang nói về nội dung gì và dự đoán chỗ trống cần loại từ gì (danh từ? động từ? trạng từ?).

Làm sao để biết đâu là từ khóa?

Tập trung vào:

- Chủ ngữ + động từ chính
- Từ **ngay trước và sau** chỗ trống
- Câu có chứa chỗ trống đang muốn nói điều gì

Ví dụ: What does Jane want John to do?

- Câu đang muốn hỏi về việc hỏi về việc Jane muốn John làm.

Trong phần nội dung tin nhắn, ta có câu: Can you come to my house this evening to help me?

→ Jane muốn John đến nhà để giúp mình làm một điều gì đó.

🔍 BƯỚC 2: ĐỌC LƯỚI & QUÉT THÔNG TIN (Skim & Scan)

Skimming = Đọc nhanh để hiểu ý chính của cả đoạn

Scanning = Nhìn kỹ những đoạn gần chỗ trống để tìm manh mối

Mục tiêu: Không cần hiểu hết từng từ, chỉ cần nắm ý và biết chỗ trống muốn gì.

Ví dụ: Đọc đoạn tin nhắn ở câu 1, ta có thể thấy:

- **Skim:** Jane đang gặp khó khăn với bài tập địa lý, đặc biệt là cách sông bắt đầu từ núi.
- **Scan:** Tìm cụm từ chỉ hành động và nơi chốn → *come to my house this evening to help me.*

C. CAMBRIDGE READING PRACTICE

PART 1 Questions 1-5

For each question, choose the correct answer.

1. To: John

From: Jane

Hi John,

I don't understand my geography homework. I don't know how rivers start in the mountains. Can you come to my house this evening to help me?

Thanks,

Jane

What does Jane want John to do?

- A. Meet her at school this evening to do homework.
- B. Help her understand something for school.
- C. Visit her at her house.

2. Jim,

I will be home late from work tonight. Can you get your own dinner?

There is £5 on the table if you need to go to the supermarket.

Mum

- A. Jim's mum will cook dinner later than usual.
- B. Jim's mum can't go to the supermarket after work.
- C. Jim's mum will be home later than normal today.

3. NOTICE

Our shop is closed all day today because the electricity is not working. We have no lights and the freezers are off. We have sent all food to another shop to keep it fresh.

- A. The shop will open again in a few hours.
- B. You can't buy food here because there is no power.
- C. All fresh food is sold out here.

4. NOTICE

Our small cat is missing. We last saw him on Friday evening near the park. His name is Tiddles and he has black and white fur. If you see him, please call 09987-555-254.

- A. The owners are asking for help to find their pet.
- B. The cat is in the park and waiting for his owners.
- C. People who want to help should call the owners.

5. BOB'S BURGER BAR

Book your birthday party at Bob's Burger Bar. Our menu includes burgers, chicken, chips, soft drinks, and a big chocolate cake. Go to our website to book.

- A. You can choose the party menu online.
- B. Bob's Burger Bar can prepare food and decorations for your birthday.
- C. Bob's Burger Bar is a good place to have a party with friends.

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Ngữ pháp:

Độc:

Mini Test:

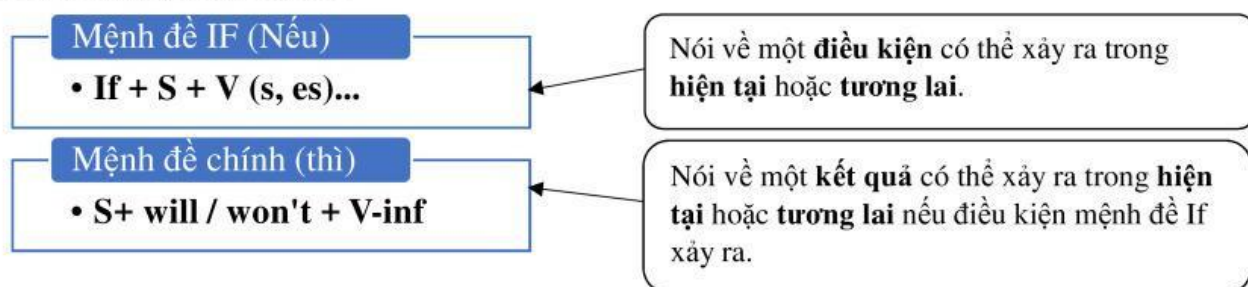
GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 2: SPORT – GRAMMAR 1 & PET READING

A. GRAMMAR: 1st conditional sentence with IF/ UNLESS

1. Câu điều kiện loại 1: được sử dụng để diễn tả một sự việc, hiện tượng có khả năng xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai.

2. Câu điều kiện loại 1 với IF:



***Note:** Hai mệnh đề trong câu điều kiện có thể đổi chỗ cho nhau được: nếu mệnh đề chính đứng trước thì giữa hai mệnh đề không cần dấu phẩy, ngược lại thì phải có dấu phẩy ở giữa.

E.g. If it rains, I will stay at home. (Nếu trời mưa, thì tôi sẽ ở nhà.)

We will miss our flight if we don't hurry up. (Chúng ta sẽ muộn chuyến bay nếu chúng ta không nhanh lên.)

3. Câu điều kiện loại 1 với UNLESS:

Cấu trúc UNLESS tương đương với IF NOT, vì vậy trong câu điều kiện, 2 từ này có thể thay thế cho nhau. Mặc dù UNLESS mang nghĩa phủ định nhưng nó lại được sử dụng trong câu khẳng định.

E.g. If John isn't tired, we will go out. (Nếu John không mệt, thì chúng tôi sẽ ra ngoài.)

Unless John is tired, we will go out. (Nếu John không mệt thì chúng tôi sẽ ra ngoài.)

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	passenger (n)	hành khách	3	particular (adj)	cụ thể, đặc biệt
2	repair (n)	việc sửa chữa			

***Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

GRAMMAR

I. Circle the correct answers.

0. _____ you don't help me, I won't be able to move the sofa.

(A) If

B. Unless

1. Sandra won't come to the party _____ you apologise to her.

A. if

B. unless

2. We will play badminton in the garden _____ it rains heavily.

A. if

B. unless

3. They will leave without me _____ I'm late.
A. if B. unless
4. _____ you study hard, you will pass the exam.
A. If B. Unless
5. I won't write about the film _____ I see it.
A. if B. unless

II. Match to make meaningful sentences.

0. <i>If I do this exercise,</i>	a. <i>I will improve my English.</i>
1. Unless they study harder,	b. if he gets a cheap flight.
2. If you send this letter now,	c. if you watch this terrifying film.
3. Simon will go to London next week	d. she will receive it tomorrow.
4. You won't be able to sleep	e. unless you have experience.
5. You can't get a job	f. they won't pass the test.

0. <u>a</u>	1. ____	2. ____	3. ____	4. ____	5. ____
-------------	---------	---------	---------	---------	---------

III. Complete the sentences, using the correct form of the words in brackets.

0. If Lydia passes her test, her father will buy her a new computer. (pass)
1. If Harry comes, I _____ to him. (talk)
2. My mum won't let me go to the park if I _____ my homework. (not finish)
3. If you do that again, dad _____ very angry. (be)
4. We will be late if we _____. (not hurry)
5. If she goes to Paris, she _____ us a postcard. (send)

IV. Finish the sentences so that they are true for you.

0. If I am late for school, my mother will be angry.
1. Unless the weather is good tomorrow, _____.
2. Unless you like this film, _____.
3. If you finish your homework early, _____.
4. If you find my book, _____.
5. If they go on holiday, _____.

CAMBRIDGE READING PRACTICE

Lưu ý:

- Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.
- Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.

New Message
From: Jane
To: Shirley
Hi Shirley Would you like to go to the bookshop with me? We can meet at the bus stop at 11 am. Jane

Jane wants to

- invite Shirley to join her.
- meet Shirley in the evening.
- walk to the bookshop with Shirley.

2.

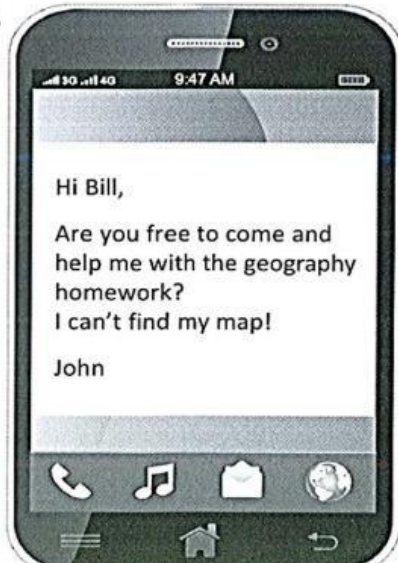

Running Competition

To enter these races, you must be able to run more than 100 metres.



- Everyone can enter this competition.
- This competition is for people who can run over 100 metres.
- The races in the competition will be no more than 100 metres long.

3.



- Bill can't find his geography homework.
- John needs help with his school work.
- John wants to help Bill with his homework.

4.



Waiting Room

The waiting room is only for train passengers. Please keep the door closed when it is cold.



- A. People not travelling by train can't use the room.
- B. The door must be kept closed all the time.
- C. Everyone can enter the waiting room when it is cold.

5.

Football match tickets

Members of the school team can get free tickets to this Sunday's match.



Where might you see this?

- A. in a bank
- B. on a laptop screen
- C. at a school's gym

6.



Mind Your Head

The ceilings in this old building are very low. Very tall children must be careful.



- A. This building is very high.
- B. It's easy to hit your head if you're tall.
- C. Old children may have an accident.

PART 1 Questions 1-5

For each question, choose the correct answer.

1. George,

We are at the bus station now.
If you are going to be late, send me a message. We can wait and take a later bus.
If you are not coming, tell me and we will leave now.

Adam

- A. George should say if he will be late.
- B. George should say which bus he is on.
- C. George should take a later bus.

2. Dear Mary,

Rome is great! There are so many lovely buildings.
We have walked for hours every day to seeing famous places.
See you when we get home.

Sally

- A. Mary will meet Sally in Rome.
- B. Sally is tired of walking in Rome.
- C. Sally has seen many famous places.

3. To: John

From: Tina

I found a nice hotel in the centre of Paris.
It is near the river and a museum. Look at the website I sent you.
Tell me if you want me to book it.

- A. John needs to check if he likes the hotel.
- B. John needs to book the hotel himself.
- C. John needs to find a hotel near a museum.

4. NOTICE

The library will close early on Friday for repairs. It will open from 9 a.m. to 2 p.m. on Friday, and will open as usual on Monday from 9 a.m. to 7 p.m.

- A. The library will not open on Friday.
- B. The library will be closed on Saturday and Sunday.
- C. The library will close later than usual on Monday.

5. ART COMPETITION

The art competition this year is about animals. It is for people aged 6 to 16.
There are two groups: under 12s and 12–16 years old. It will close on Friday, May 5th.

- A. The competition is only for children who have a pet.
- B. Children must make art about animals.
- C. Children can be in both groups.